

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

2. Bà Ngô Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng H; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H có mặt; ông D vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2021 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định ngày 23/7/2007. Trong quá trình chung sống, ông D ngoại tình và không quan tâm đến vợ con. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn D có 03 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/2001; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/11/2008. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh N cho bà trực tiếp nuôi, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con. Đối với con chung Nguyễn Minh T đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/7/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hồng H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định ngày 23/7/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Đến năm 2001 ông có sử dụng và mua bán ma túy nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông bị Công an bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành hình phạt tù hơn 10 năm, mới được tha tù về năm 2021. Sau khi được tha tù về vợ ông không còn tình cảm vợ chồng với ông. Nay ông thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn, cũng như việc nuôi con theo yêu cầu của bà H.

Về vấn đề tài sản và nợ ông cũng thống nhất với yêu cầu của bà Lê Thị Hồng H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng H được ly hôn ông Nguyễn Văn D; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/11/2008 cho bà Lê Thị Hồng H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm bà Lê Thị Hồng H khởi kiện thì ông Nguyễn Văn D đang cư trú tại Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H có mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định ngày 23/7/2007. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị Hồng H sống hạnh phúc được một thời gian và sinh được 03 con chung. Sau đó, do bất đồng quan điểm sống nên giữa bà H và ông D thường xảy ra mâu thuẫn, đặc biệt từ sau khi ông D chấp hành hình phạt tù trở về thì giữa bà H và ông D không còn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn; đồng thời, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/7/2021 ông D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà Lê Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D có 03 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/2001; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/11/2008. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh N cho bà trực tiếp nuôi; đối với con chung Nguyễn Minh T đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành

vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu về nuôi con của bà Lê Thị Hồng H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay 02 con chung Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh N đang sống cùng với bà H và do bà H trực tiếp chăm sóc. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/7/2021, ông Nguyễn Văn D cũng trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu của bà H về việc nuôi con. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, các con chung của ông D, bà H là Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh N cũng trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi khác về mọi mặt cho các con chung của ông D, bà H; căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng H, giao 02 con chung Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh N cho bà H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung của ông D, bà H là Nguyễn Minh T đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Bà Lê Thị Hồng H được giao trực tiếp nuôi 02 con chung, nhưng không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của bà Lê Thị Hồng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng H được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D có 03 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/6/2001; Nguyễn Minh H1, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/11/2008.

Giao 02 con chung Nguyễn Minh H1 và Nguyễn Minh N cho bà Lê Thị Hồng H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung Nguyễn Minh T, hiện nay đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà Lê Thị Hồng H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005972 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Văn D không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND P. Đ, Tp. Q, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong